

UBND PHƯỜNG ĐÔNG GIA NGHĨA
TRƯỜNG TH NGUYỄN VIỆT XUÂN
Số 04/KH- NVX

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đông Gia Nghĩa, ngày 06 tháng 10 năm 2025

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC KHOẢN THU TRONG NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2025 – 2026

Căn cứ thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT, ngày 03/06/2024 về việc quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 55/2011/TT- BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

Căn cứ Thông tư số 16/2018/TT- BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Nghị Quyết số 285/2024/NQ-HDND, ngày 10/12/2024 của hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng, về việc quy định danh mục các khoản cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo tại các sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ công văn hướng dẫn số 664/SGDĐT- KHTC, ngày 03/09/2025 của sở giáo dục và đào tạo tỉnh Lâm Đồng, về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu từ nguồn thu hợp pháp năm học 2025-2026 đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ công văn số 177/BHXXH –TST, ngày 08/08/2025 của bảo hiểm xã hội tỉnh Lâm Đồng; Bảo hiểm xã hội cơ sở Đức An triển khai công tác thu BHYT học sinh năm học 2025-2026;

Căn cứ biên bản họp phụ huynh năm học 2025-2026 ngày 04/10/2025 của trường TH Nguyễn Việt Xuân.

Trên cơ sở tình hình thực tế của địa phương và kế hoạch hoạt động của nhà trường năm học 2025 – 2026. Nay trường Tiểu học Nguyễn Việt Xuân xây dựng kế hoạch thực hiện các khoản theo quy định và các khoản thu từ phụ huynh năm học 2025 – 2026 cụ thể như sau:

I. CÁC KHOẢN THU THEO QUY ĐỊNH:

1. Kinh phí hoạt động liên đội: chưa có văn bản hướng dẫn (chưa thu).

2. Bảo hiểm y tế học sinh

Mức đóng và phương thức đóng BHYT năm học 2025- 2026 như sau.

Số tháng x 4,5% x 2.340.000đ x 50% (VD :12 tháng x 52.650đ/tháng = 631.800đ)

II. CÁC DỊCH VỤ PHỤC PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Thực hiện theo Nghị Quyết số 385/2024/NQ-HDND, ngày 10/12/2024 của hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng, về việc quy định danh mục các khoản cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo tại các sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

1. DỊCH VỤ ĂN BÁN TRÚ CỦA HỌC SINH

1.1 Dịch vụ ăn bán trú của học sinh:

➤ Dự kiến thu tiền ăn: $150 \text{ em} \times 25.000\text{đ}/\text{em}/\text{ngày} \times 16 \text{ ngày}/\text{tháng} = 60.000.000\text{đ}/\text{tháng}$

➤ Dự kiến chi trả tiền ăn cho nhà cung cấp: $60.000.000\text{đ}/\text{tháng}$ (Sáu mươi triệu đồng)

1.2 Dịch vụ chăm sóc bán trú: chi phí tổ chức quản lý bán trú tại trường hỗ trợ trực giờ nghỉ trưa:

➤ Dự kiến thu: $150 \text{ em} \times 5.000\text{đ}/\text{ngày} \times 16 \text{ ngày} = 12.000.000\text{đ}/\text{tháng}$

➤ Dự kiến chi tiền:

S T T	Họ và tên	Chức vụ	HS lương	Bình quân hệ số lương	Số tiền/gi ờ	Tháng 9		Tháng 10		Tháng 11		Tháng 12		Ghi chú
						Số giờ	Thành tiền	Số gi ờ	Thành tiền	Số giờ	Thành tiền	Số giờ	Thành tiền	
1	Trần Thị Hải Yến	HT	4,34	3,39	49.500	16	792.000	28	1.386.000	26	1.287.000	30	1.485.000	
2	Đinh Hải Đoàn	PHT	4,68		49.500	15	742.500	27	1.336.500	25	1.237.500	29	1.435.500	
3	Võ Thị Thuyết	KT	4,00		49.500	15	742.500	27	1.336.500	25	1.237.500	29	1.435.500	
1	Bùi Thị Mơ	BML 3	4,00		49.500	28	1.386.000	50	2.475.000	45	2.227.500	53	2.623.500	
2	Lê Thị Hương	BML 1	3,65		49.500	18	891.000	32	1.584.000	29	1.435.500	36	1.782.000	
3	H Thân Hương	BML 2	3,06		49.500	22	1.089.000	38	1.881.000	35	1.732.500	42	2.079.000	
4	Phan Đình Pháp	BML 4,5			49.500	22	1.089.000	38	1.881.000	35	1.732.500	42	2.079.000	
Tổng cộng			23,73			136	6.732.000	240	11.880.000	220	10.890.000	261	12.919.500	0

1.3 Vệ sinh sân trường và khu vệ sinh của học sinh

➤ Quỹ vệ sinh thuê người dọn nhà vệ sinh học sinh và sân trường

➤ Dự kiến thu: $20.000\text{đ}/\text{tháng}/\text{em} \times 368 \text{ em} \times 9 \text{ tháng} = 66.240.000\text{đ}$

(Thắt thu khoảng 10% : 6.624.000đ)

Còn lại : $59.616.000\text{đ}$ (Năm mươi chín triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng)

➤ + **Dự kiến chi:**

STT	Diễn giải	Số tiền	Ghi chú
01	- Chi thuê người dọn nhà vệ sinh và quét sân trường 1 người x $6.000.000\text{đ}/\text{tháng}/\text{người} \times 9 \text{ tháng}$	54.000.000	
02	- Chi mua dụng cụ vệ sinh	5.616.000	
	Tổng cộng	59.616.000	

Bằng chữ: Năm mươi chín triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng.

Bảng dự toán thu chi còn tùy thuộc vào số học sinh đóng góp và có thể thay đổi mức chi để đảm bảo thu đủ bù chi.

III. CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP TỰ NGUYỆN VÀ TÀI TRỢ KHÁC

1. Quỹ hoạt động của ban đại diện CMHS (không huy động)

Thực hiện theo Thông tư số 55/2011/TT- BGDDT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Không quy định mức thu.

- Đối với kinh phí hoạt động của Ban đại diện CMHS các lớp: Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp có được từ sự ủng hộ tự nguyện của

cha mẹ học sinh và nguồn tài trợ hợp pháp khác cho Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp. Việc quản lý và sử dụng kinh phí, do ban đại diện CMHS các lớp phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp xây dựng phương án kế hoạch chi tiêu các khoản theo quy định.

- Đối với kinh phí hoạt động của Ban đại diện CMHS trường: Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh trường được trích từ kinh phí hoạt động của các Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp theo khuyến nghị của cuộc họp toàn thể các trường ban Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp đầu năm học và nguồn tài trợ hợp pháp khác cho Ban đại diện học sinh trường. Việc quản lý và sử dụng kinh phí, do ban đại diện CMHS trường phối hợp với Hiệu trưởng xây dựng phương án kế hoạch chi tiêu các khoản theo quy định.

Các khoản thu được hoạch toán và quyết toán thu, chi đầy đủ theo Thông tư số 55/2011/TT- BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo quy định của pháp luật về tài chính hiện hành.

2. Đối với các khoản tài trợ:

Thực hiện theo Thông tư số 16/2018/TT- BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Thời điểm đầu năm học 2025-2026, nhà trường chưa xây dựng kế hoạch vận động tài trợ gửi cấp trên phê duyệt nên chưa thực hiện vận động tài trợ trong nhà trường. Việc vận động tài trợ được tiến hành khi nhà trường xây dựng kế hoạch và được phê duyệt của phòng văn hóa của phòng văn hóa xã hội (nếu có).

Các khoản thu (nếu có) được hoạch toán và báo cáo quyết toán, thu chi đầy đủ theo Thông tư số 16/2018/TT- BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo quy định của pháp luật về tài chính hiện hành.

Trên đây là kế hoạch thực hiện các khoản thu trong nhà trường năm học 2025-2026 của trường tiểu học Nguyễn Viết Xuân.

Rất mong được sự quan tâm giúp đỡ tạo điều kiện của các cấp chính quyền địa phương, phòng văn hóa xã hội để mọi hoạt động của nhà trường được diễn ra thuận lợi theo đúng kế hoạch đã đề ra./.

Nơi nhận:

- Phòng VH-XH (báo cáo);
- UBND P. Đông Gia Nghĩa (báo cáo);
- Các bộ phận, đoàn thể, ban ĐDCMHS;
- Lưu: Kế toán, VT.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Hải Yến

TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN VIỆT XUÂN

PHỤ LỤC CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ - HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2025-2026

(Thu theo NQ 385/NQ-HĐND, ngày 10 tháng 12 năm 2024 của hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền/ngày	Số tiền/tháng	Diễn giải	Ghi chú
I	CÁC KHOẢN THU					
1	Dịch vụ bán trú không tổ chức nấu ăn					
a	Dịch vụ ăn bán trú của học sinh (suất ăn)					
	- Khối 1,2	Đồng/ngày	25.000	300.000	3 ngày/tuần x 4 tuần	Chỉ thu đối với học sinh đăng ký ăn bán trú
	- Khối 3,4,5	Đồng/ngày	25.000	400.000	4 ngày/tuần x 4 tuần	
b	Dịch vụ chăm sóc bán trú chi phí tổ chức quản lý bán trú tại trường, hỗ trợ trực giờ nghỉ trưa					
	- Khối 1,2	Đồng/ngày	5.000	60.000	3 ngày/tuần x 4 tuần	
	- Khối 3,4,5	Đồng/ngày	5.000	80.000	4 ngày/tuần x 4 tuần	
c	Dịch vụ phục vụ - hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường					
	Dịch vụ vệ sinh sân trường và khu vệ sinh của học sinh theo yêu cầu	Đồng/tháng		20.000	9 tháng * 20.000đ/tháng = 180.000đ/năm	
II	THU BẮT BUỘC (THU HỘ)					
1	Bảo hiểm y tế học sinh					Nhà trường thu hộ
	- Mức đóng năm 2025	Đồng/tháng		42.120	1 tháng	
	- Mức đóng năm 2026	Đồng/tháng		52.650	1 tháng	

DỰ TOÁN PHÂN CHI QUẢN LÝ VÀ HỖ TRỢ TRỰC TRƯA BÁN TRÚ NĂM HỌC 2025-2026

STT	Họ và tên	Chức vụ	Hệ số lương	Bình quân hệ số lương	Số tiền/giờ	Tháng 9		Tháng 10		Tháng 11		Tháng 12		Ghi chú
						Số giờ	Thành tiền	Số giờ	Thành tiền	Số giờ	Thành tiền	Số giờ	Thành tiền	
1	Trần Thị Hải Yến	Hiệu trưởng	4,34	3,39	49.500	16	792.000	28	1.386.000	26	1.287.000	30	1.485.000	
2	Đinh Hải Đoàn	Phó hiệu trưởng	4,68		49.500	15	742.500	27	1.336.500	25	1.237.500	29	1.435.500	
3	Võ Thị Thuyết	Kế toán-y tế	4,00		49.500	15	742.500	27	1.336.500	25	1.237.500	29	1.435.500	
1	Bùi Thị Mơ	Thư viện (lớp 3)	4,00		49.500	28	1.386.000	50	2.475.000	45	2.227.500	53	2.623.500	
2	Lê Thị Hương	Giáo viên (Lớp 1)	3,65		49.500	18	891.000	32	1.584.000	29	1.435.500	36	1.782.000	
3	H Thân Hương	Giáo viên (lớp 2)	3,06		49.500	22	1.089.000	38	1.881.000	35	1.732.500	42	2.079.000	
4	Phan Đình Pháp	Bảo vệ (lớp 4,5)			49.500	22	1.089.000	38	1.881.000	35	1.732.500	42	2.079.000	
Tổng cộng			23,73			136	6.732.000	240	11.880.000	220	10.890.000	261	12.919.500	0

Đông Gia Nghĩa, ngày 19 tháng 09 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Người lập


Võ Thị Thuyết




Trần Thị Hải Yến